

NỘI HÀM VĂN HOÁ ĐƯỢC PHẢN ÁNH QUA THÀNH NGỮ CÓ HÌNH TƯỢNG “CON RẮN” (蛇) TRONG TIẾNG TRUNG VÀ TIẾNG VIỆT

DINH BÍCH THẢO*

Abstract: Idioms, transmitted across generations, represent a fundamental component of language, encapsulating the cultural characteristics and cognitive frameworks of the communities that use them. The image of the “snake” (蛇) in idioms conveys diverse symbolic meanings, reflecting accumulated experiences, philosophical perspectives, and cultural values while contributing to linguistic richness. This study adopts a descriptive statistical, analytical, and contrastive approach to examine idioms featuring the image of the “snake” in both Chinese and Vietnamese. The aim is to identify similarities and differences in cultural connotations and cognitive conceptualizations between the two linguistic communities. The findings reveal that the “snake” in Chinese and Vietnamese cultures embodies both positive and negative connotations, sharing commonalities while exhibiting distinct features. These connotations are manifested across seven key dimensions: vigilance against danger, fear-induced reverence, strategic wisdom, adaptability and transformation, aesthetic perception, and the concept of causality.

Keywords: *culture, snake imagery, cognition, Vietnamese, Chinese*

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ là một bộ phận quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ của mỗi dân tộc, phản ánh tri thức dân gian, quan niệm sống, tư duy tri nhận cũng như đặc trưng văn hoá của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó. Theo Nguyễn Như Ý [9], thành ngữ là “cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác với tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó”. Ví dụ, *công rắn cắn gà nhà* là một thành ngữ ám chỉ kẻ xấu về hãm hại gia đình, nhưng nếu chỉ xét riêng ý nghĩa của từng từ thì sẽ không thể hiểu được nghĩa hàm ẩn của thành ngữ này, vì vậy nhất định phải xét nó với tư cách là một cụm từ có ý nghĩa nguyên khối. Ngôn ngữ là vỏ bọc của tư duy, là công cụ của giao tiếp xã hội, điều này đã được nhiều nhà triết học và ngôn ngữ học khẳng định [12], [13], [6]... Nên văn hoá của một dân tộc bắt đầu từ khi ngôn ngữ của dân tộc đó xuất hiện. Do đó, ngôn ngữ và văn hoá là hai phạm trù có mối quan hệ khăng khít không thể tách rời. Chính vì vậy thành ngữ vừa là đơn vị ngôn ngữ vừa là đơn vị văn hoá, bởi tất cả các thành ngữ đều gắn với bối cảnh về điều kiện lịch sử, môi trường sống, sự phát triển về kinh tế của một cộng đồng người nhất định. Khi xét ý nghĩa của thành ngữ bắt buộc phải đặt trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá thì mới có thể hiểu hết được nghĩa hàm ngôn, cũng như tư duy tri nhận về sự vật, hiện tượng xung quanh con người.

Trong kho tàng thành ngữ của nhiều ngôn ngữ trên thế giới, hình ảnh động vật thường được sử dụng như một phương tiện ẩn dụ để truyền tải ý nghĩa sâu sắc, phản ánh các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, cũng như tri thức của một cộng đồng. Hình ảnh động vật trong thành ngữ không chỉ gắn liền với các đặc điểm tự nhiên của chúng, mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, thể hiện quan điểm, triết lý sống của con người. Trong số các động vật thường xuất hiện trong thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt, “rắn” là một hình tượng đặc biệt với nhiều tầng ý nghĩa phong phú, chứa đựng nội hàm văn hoá sâu sắc, xuất hiện nhiều trong tín ngưỡng, thần thoại và đời sống dân gian.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về thành ngữ và hình tượng động vật trong ngôn ngữ, nhưng việc phân tích riêng nội hàm văn hoá được phản ánh qua các thành ngữ có hình tượng “con rắn” (蛇) trong tiếng Trung và tiếng Việt vẫn chưa được nghiên cứu sâu rộng, mới chỉ dừng lại ở các bài viết ngắn phân tích khái quát về hình tượng “con rắn” trong nền văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc. Do đó, bài viết này được thực hiện nhằm lấp đầy khoảng trống nghiên cứu trước đó, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong cách tri nhận về hình ảnh “con rắn” trong ngôn ngữ của hai dân tộc, từ đó góp phần làm phong phú thêm sự hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá trong các nền văn hoá Đông Á nói chung và văn hoá Trung Quốc, Việt Nam nói riêng.

* Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Khảo sát hai cuốn từ điển thành ngữ để thống kê các thành ngữ có hình tượng “con rắn”, chúng tôi thu được 30 thành ngữ trong *Từ điển thành ngữ tiếng Trung* do ChenBo [10] chủ biên và 13 thành ngữ trong *Từ điển thành ngữ tiếng Việt* do Nguyễn Lực [4] chủ biên. Các thành ngữ tiếp tục được phân loại theo nhóm đặc trưng ngữ nghĩa và áp dụng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận để phân tích sự tương đồng và khác biệt về nội hàm văn hoá của hai dân tộc được phản ánh thông qua các thành ngữ này.

2. Cơ sở lí luận

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện biểu đạt tư duy mà còn phản ánh sâu sắc nền văn hoá của một dân tộc. Nhà ngôn ngữ học nhân chủng người Mỹ E.D. Sapir [11] đã từng đưa ra quan điểm: “Đằng sau ngôn ngữ của một dân tộc luôn tồn tại phong văn hoá của dân tộc đó, hơn thế ngôn ngữ không thể tồn tại độc lập với văn hoá”. L.R. Palmer [14] cho rằng: “Lịch sử của ngôn ngữ và lịch sử của văn hoá luôn luôn đồng hành với nhau, chúng cùng hiệp tác, cùng hỗ trợ cho nhau”. Lý Toàn Thắng [7, tr.182] đã chỉ ra: “Đối với tâm lí học và ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm trước hết không phải và không chỉ là kết quả của quá trình tư duy, quá trình phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc con người, mà nó là sản phẩm của hoạt động tri nhận, nó là cái chứa đựng tri thức hay sự hiểu biết của con người về thế giới trên cơ sở kinh nghiệm từ đời này sang đời khác, nó vừa mang tính nhân loại phổ quát vừa mang tính đặc thù dân tộc, do chỗ nó gắn kết chặt chẽ với ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc đó”. Do đó, việc nghiên cứu ngôn ngữ không thể tách rời khỏi bối cảnh văn hoá mà phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các giá trị văn hoá để có thể hiểu đầy đủ và toàn diện.

3. Văn hoá Trung Hoa phản ánh qua thành ngữ có hình tượng “con rắn” trong sự so sánh về điểm tương đồng, khác biệt với văn hoá Việt Nam

3.1. Phản ánh thói quen luôn cảnh giác, đề phòng trước những nguy hiểm

Trong thành ngữ tiếng Việt và tiếng Trung, trước hết “rắn” thường được sử dụng với ý nghĩa tiêu cực, là hình ảnh ẩn dụ về sự độc ác, xảo quyệt, nguy hiểm và khó lường. Thành ngữ 虚与委蛇 (*Hư dữ uy xà*) xuất phát từ *山海经* (*Sơn hải kinh*), đây là bộ bách khoa toàn thư về đời sống xã hội thời thượng cổ của Trung Quốc. Tương truyền, uy xà chỉ một loài rắn quái dị trong thần thoại có đầu người thân rắn, tóc đỏ rực như lửa, có hai cái đầu với cơ thể mang sắc tím huyền bí. Nó có thể tự do biến đổi diện mạo, khiến người khác không thể biết được hình dạng thực sự của nó. Vì vậy, câu thành ngữ này được sử dụng để ám chỉ những kẻ giả tạo trong hành vi, lời nói, luôn lừa lọc, mưu mô. Hình tượng “rắn” với ý nghĩa tiêu cực còn xuất hiện trong một số thành ngữ tiếng Trung khác như: 蛇蝎心肠 (*Xà hiệt tâm trường* - chỉ tâm địa độc ác như rắn rết), 牛鬼蛇神 (*Ngưu quỷ xà thần* - chỉ những phần tử xấu trong xã hội), 佛口蛇心 (*Phật khẩu xà tâm* - chỉ kẻ giả nhân giả nghĩa), 蛇头鼠眼 (*Xà đầu thử nhãn* - chỉ kẻ tiểu nhân gian trá), 封豕长蛇 (*Phong thỉ trường xà* - chỉ những kẻ tham lam, tàn bạo), 枭蛇鬼怪 (*Kiêu xà quỷ quái* - chỉ kẻ độc ác, nham hiểm), 封豕长蛇 (*Phong thỉ trường xà* - chỉ kẻ tham tàn, bạo ngược), 毒蛇猛兽 (*Độc xà mãnh thú* - chỉ kẻ bạo lực, tàn nhẫn), 鲸吞蛇噬 (*Kinh thôn xà phệ* - chỉ kẻ tham lam vô độ).

Một số thành ngữ trong tiếng Việt như: *Miệng hùm nọc rắn, Hang hùm miệng rắn, Khẩu Phật tâm xà, Khẩu xà tâm Phật, Thao láo như mắt rắn ráo, Hùm thiêng rắn độc, Đầu rắn mắt chuột* cũng được dùng để miêu tả những kẻ có vẻ ngoài hiền lành, đạo mạo nhưng thực chất lại rất hiểm độc, sẵn sàng phản bội hoặc làm hại người khác. Ngoài ra, thành ngữ *Công rắn về cắn gà nhà* còn đề cao tinh thần cảnh giác trước nguy cơ phản bội từ bên trong. “Rắn” tượng trưng cho thế lực ngoại lai nguy hiểm, trong khi “gà nhà” đại diện cho những người thân thuộc. Thành ngữ này có ý nghĩa giáo huấn, cảnh báo con người không nên vì lợi ích cá nhân mà làm tổn hại đến tập thể. Trong bối cảnh hiện đại, nó vẫn giữ nguyên giá trị khi nhắc nhở về tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng.

Như vậy, trong cả hai nền văn hoá, hình tượng “rắn” được sử dụng để tạo ra các thành ngữ mang tính cảnh báo, luôn nhắc nhở con người phải nâng cao ý thức đề phòng trước những kẻ giả nhân giả nghĩa, lòng dạ nham hiểm nhưng luôn che giấu bản chất thật vào bên trong. Nền tảng tri nhận của hai dân tộc về hình ảnh tiêu cực của loài rắn có lẽ đều xuất phát từ đặc điểm sinh học của chúng: thường di chuyển âm thầm, ẩn nấp ở những nơi tối tăm, có khả năng tấn công bất ngờ và một số loài còn mang nọc độc chết người. Những đặc tính này khiến rắn trở thành biểu tượng chỉ những kẻ gian trá, hiểm độc. Từ đó, có thể thấy cơ chế tri nhận của hai dân tộc có nét khá tương đồng trong ánh xạ từ miền nguồn “đặc điểm sinh học của loài rắn” đến miền đích “chỉ những kẻ tiểu nhân, gian trá, luôn âm thầm ứ mưu, chờ đợi thời cơ để hãm hại người khác”.

3.2. Phản ánh tâm lý sợ hãi dẫn đến tôn thờ

Rắn là loài động vật bò sát không chân, với đặc điểm sinh sống ẩn mình, có khả năng di chuyển nhanh chóng bằng cách uốn lượn cơ thể, di chuyển được cả trên cạn, leo lên cây, bơi dưới nước, thường tấn công đối phương một cách bất ngờ và nọc độc của nó có thể gây ra cái chết. Có lẽ xuất phát từ đặc điểm hình thái này mà trong tri nhận của hai dân tộc, rắn là loài động vật rất hiếm ác, khiến con người vô cùng sợ hãi.

Trong tiếng Trung, thành ngữ 一夜被蛇咬, 十年怕井绳 (Nhất dạ bị xà giáo, thập niên phạ tĩnh thằng) có nghĩa đen là “một đêm bị rắn cắn, sau đó vì ám ảnh nên ban đêm thấy sợi dây thừng thì cứ ngỡ là rắn rồi sợ hãi, lo âu, bồn chồn, bất an”. Còn nghĩa ẩn dụ lại phản ánh cơ chế tâm lý: những tổn thương hay trải nghiệm xấu trong quá khứ có thể gây ra nỗi sợ hãi thái quá và ảnh hưởng đến hành động, suy nghĩ trong tương lai, khiến con người có những phản ứng quá mức với những thứ vốn dĩ không hề nguy hiểm. Mặc dù trong tiếng Việt không có thành ngữ tương đương nhưng ý nghĩa này cũng được phản ánh qua câu tục ngữ Một lần bị rắn cắn, mười năm sợ dây thừng.

Thành ngữ 杯弓蛇影 (Bôi cung xà ảnh) xuất phát từ điển tích trong *Tân Thu - Lạc Quảng Truyền* của Ứng Thiệu thời Tấn. Một hôm, Lạc Quảng tổ chức tiệc rượu, một vị khách do nhìn thấy ảnh phản chiếu của chiếc cung treo trên tường mà lại ngỡ là rắn, vì thế sinh lòng lo lắng và ốm nặng. Cho đến khi được Lạc Quảng giải thích thì vị khách mới hết bệnh. Hình tượng “rắn” trong thành ngữ này mang ý nghĩa tiêu cực, biểu thị cho nỗi sợ hãi vô căn cứ và sự hoang tưởng do hiểu lầm, khiến con người bị chi phối bởi cảm xúc không thực. Thành ngữ có ý nghĩa tương tự với 杯弓蛇影 (Bôi cung xà ảnh) còn có: 杯蛇鬼车 (Bôi xà quỷ xa), 弓影杯蛇 (Cung ảnh bôi xà), 蛇影杯弓 (Xà ảnh bôi cung).

Theo truyền thống Việt Nam, ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch là ngày Tết Đoan Ngọ (Tết diệt sâu bọ), dân gian thường cúng hoa quả và uống rượu vào buổi sáng với niềm tin xua đuổi sâu bọ, bảo vệ mùa màng. Rắn được coi là “loài sâu bọ tai ác” gây hại cho đời sống nên thường được săn bắt dịp này, đây cũng chính là nguyên nhân khiến rắn sợ sệt, ẩn trốn. Cơ chế tri nhận của người Việt về thành ngữ *Len lét như rắn mòng năm* cũng chính là xuất phát từ điển tích này, sau thường ám chỉ những người hay sợ hãi, rụt rè, nhút nhát.

Như vậy có thể thấy, hình tượng “rắn” trong các thành ngữ kể trên đều tượng trưng cho sự độc ác khiến con người sợ hãi. Nhưng có lẽ cũng chính vì nỗi sợ hãi mang tính nguyên thủy đó mà con người đã thần thánh hoá loài rắn, thờ cúng rắn như một vị thủy thần, cầu thân với rắn, cầu xin sự che chở, bảo vệ từ rắn. Đây có lẽ cũng chính là cách ứng xử mà hai dân tộc lựa chọn để làm dịu đi mối quan hệ với thiên nhiên, tôn thờ rắn như một vị thần linh để mong nhận được sự bình an.

Trong nền văn hoá Trung Hoa, sự ghi chép sớm nhất về “rắn” được tìm thấy trong phần 三皇本纪 (Tam Hoàng bản kỷ) của 史记 (Sử ký), trong đó viết rằng, Phục Hy và Nữ Oa là tổ tiên của dân tộc Hoa Hạ có “đầu người, thân rắn”. Sự hoá thân đặc biệt này đã phản ánh nét đặc trưng của văn hoá cổ đại Trung Hoa, nơi các nhân vật thần thoại thường có hình dáng kì lạ hoặc kết hợp giữa người và động vật để thể hiện mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, cũng như các khả năng siêu nhiên khác. Hình tượng “rắn” còn xuất hiện trong nhiều sách, truyện, truyền thuyết và thần thoại nổi tiếng khác của Trung Quốc như 山海经 (Sơn hải kinh), 白蛇传 (Bạch xà truyện). Tín ngưỡng thờ thần rắn tại Trung Quốc là một phần của văn hoá dân gian, gắn liền với niềm tin vào sức mạnh siêu nhiên của loài rắn. Rắn được coi là biểu tượng của quyền lực, trí tuệ, tái sinh và bảo vệ. Thần rắn được thờ cúng để xua đuổi tai hoạ và cầu mong may mắn. Tín ngưỡng này phổ biến ở các khu vực miền Nam Trung Quốc, đặc biệt là ở các vùng ven biển hoặc nơi thâm sơn cùng cốc, hoang vu hẻo lánh. Các lễ hội và nghi lễ thờ thần rắn thường được tổ chức để cầu sức khỏe và bình an.

Ở Việt Nam, “rắn” là biểu tượng thường thấy trong đời sống văn hoá, tín ngưỡng và tâm linh của người Việt. Hình tượng “rắn” cũng xuất hiện rất nhiều trong truyền thuyết, truyện cổ tích của Việt Nam, ví dụ: truyện cổ tích Thạch Sanh, sự tích đền thờ Linh Lang, sự tích đền thờ Trương Hồng... Trong bộ *Kho tàng cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đông Chi [1], có hơn chục câu chuyện kể về sự thiện lành của rắn và cũng có truyện coi rắn là loài ác độc. Vì thế, nhiều đền thờ rắn được xây dựng dọc theo các con sông lớn trải dài từ Bắc vào Nam, đặc biệt là các con sông thường có lũ lụt. Tín ngưỡng thờ rắn không chỉ hiện diện ở các vùng đồng bằng, vùng ven biển, sông nước mà còn có ở các vùng núi. Trong các đền miếu thờ thần rắn, hình ảnh “ông rắn” thường xuất hiện ở các vị trí trang trọng, thể hiện sự tôn kính đối với loài vật này. Có lẽ, xuất phát từ đặc điểm có thể bơi được dưới nước, trườn được trên mặt đất và leo

trèo được lên cao mà trong tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam, “rắn” được xem là biểu tượng hoàn hảo cho sự giao hoà giữa hai thế giới âm - dương và là sinh vật đặc biệt có khả năng kết nối trời và đất.

3.3. *Phản ánh bài học về sách lược và tính cẩn trọng*

Rắn là loài vật có khả năng ẩn nấp cao, di chuyển linh hoạt và có chiến thuật săn mồi tinh vi. Trong cả tiếng Việt và tiếng Trung, rắn thường được dùng để ẩn dụ cho sự mưu lược, thận trọng và bí mật trong hành động. Những thành ngữ này phản ánh bài học kinh nghiệm về chiến thuật trong đối nhân xử thế, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tính toán trong việc ứng phó với nguy cơ.

Trong tiếng Trung, thành ngữ 引蛇出洞 (*Dẫn xà chu động*) thường được sử dụng trong chiến lược chính trị, quân sự, nhấn mạnh tầm quan trọng của kế lược tạo ra tình huống có lợi để lôi kéo đối phương ra khỏi vị trí an toàn, khiến đối phương mất cảnh giác, bộc lộ điểm yếu, phản kháng không kịp. Từ đặc tính của loài rắn là có vảy, thường di chuyển lặng lẽ, ẩn mình trong lòng đất hoặc dưới nước, câu thành ngữ 蛇行鳞潜 (*Xà hành lân tiềm*) đã nhắc nhở con người cần giữ bí mật trong chiến lược, hành động kín đáo để tránh đối phương phát hiện thì mới đạt được thành công. Thành ngữ 打草惊蛇 (*Đả thảo kinh xà*) vốn được trích từ tác phẩm *Nam Đường cận sự* của Trịnh Văn Bảo (953-1013) triều nhà Tống kể rằng, Vương Lỗ là một huyện lệnh tham lam, ăn hối lộ khắp nơi, khi có tờ sớ tố cáo thuộc hạ thì đã chột dạ, hoảng sợ, ví như rắn ẩn mình trong cỏ vì bị đánh động nên kinh hãi. Hàm ý sâu xa của thành ngữ này là chỉ hành động mang tính cảnh báo, răn đe đối phương, về sau cũng thêm ý hàm chỉ, không nên hành động quá lộ liễu để tránh bị đối thủ phản công. Từ việc quan sát, rắn độc dù nhỏ nhưng có ngày sẽ thành rắn lớn mà người Trung Quốc đã đúc rút được bài học, nếu không xử lý mầm họa từ sớm thì sẽ có ngày trở thành mối đại họa thông qua thành ngữ 长虺成蛇 (*Trường huy thành xà*). Ngoài ra, còn có 壮士解腕 (*Tráng sĩ giải oản*), đây là thành ngữ xuất phát từ tác phẩm *Tam quốc chí. Ngụy chí. Tân Thái Truyền* của Trần Thọ thời Tấn, miêu tả hình ảnh một dũng sĩ khi bị rắn độc cắn vào cổ tay đã chặt bỏ cổ tay của mình để chất độc không bị lan khắp cơ thể. Thành ngữ này đặc biệt phổ biến trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự. Từ câu chuyện thời Tây Tấn, người dân Trung Hoa đã đúc rút ra bài học, khi đối diện với tình huống nguy cấp, cần nhanh chóng đưa ra quyết định và hành động phải dứt khoát để tránh đại họa về sau.

Trong tiếng Việt, thành ngữ *Rắn đến nhà chẳng đánh thì quái* nhấn mạnh khi gặp nguy hiểm hoặc kẻ xấu đến tận nơi mà không có hành động đối phó thì rất đáng trách, đề cao tinh thần cảnh giác, chủ động đối phó với mối đe dọa thay vì thờ ơ hoặc bỏ qua. *Rắn khôn giấu đầu* cũng là thành ngữ nhắc nhở người khôn ngoan phải khéo léo trong hành động, biết cách che giấu điểm yếu, thân phận hoặc ý định của mình, không được để lộ quá nhiều thông tin để tránh bị tổn thương hay bị lợi dụng. Khi đánh rắn, nếu không đánh vào đầu thì rắn có thể vẫn còn sống và tấn công ngược lại, vì vậy dân gian còn có câu *Đánh rắn phải đánh đập đầu* đã đúc rút kinh nghiệm, khi giải quyết vấn đề hoặc đối phó với kẻ có ý đồ xấu, phải xử lý tận gốc, không được mềm lòng hoặc xử lý nửa vời vì đối phương có thể tìm cách phản đòn, gây hậu quả nghiêm trọng hơn. Ngoài được phản ánh qua thành ngữ, bài học về sách lược còn được dân tộc Việt Nam đúc kết qua câu tục ngữ: *Chớ đánh rắn trong hang, chớ đánh đại bàng trên mây*. Cơ chế tri nhận được ánh xạ từ miền nguồn là “không nên đánh rắn khi nó đang ở trong hang vì nó có thể phản kháng dữ dội hoặc trốn thoát, cũng như không nên tấn công đại bàng khi nó đang bay cao vì khó trúng” sang miền đích là “không nên chọn sai thời điểm đối đầu với kẻ mạnh, cần cẩn trọng, chọn thời cơ phù hợp”.

3.4. *Phản ánh sự linh hoạt, tư duy đổi mới*

Với đặc điểm không có chân nhưng lại di chuyển rất nhanh, uyển chuyển, vì thế tại Trung Quốc, “rắn” trở thành một biểu tượng văn hoá về sự thích nghi, biến hoá và ứng phó khéo léo trước hoàn cảnh. Thành ngữ 一龙一蛇 (*Nhất long nhất xà*) có nghĩa là lúc xuất hiện dưới hình rồng, lúc lại xuất hiện với hình rắn, biến hoá khôn lường. Từ đó, trong tri nhận của người Trung Hoa, nghĩa đen trong miền đích được ánh xạ sang miền nguồn “nhắc nhở con người phải luôn ghi nhớ triết lý ứng biến linh hoạt trong những tình huống khác nhau”. Thành ngữ 强龙不压地头蛇 (*Cường xà bất áp rắn địa đầu*) xuất phát từ tác phẩm *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân thời Minh, với nghĩa mặt chữ là rồng mạnh cũng không thể lấn át nổi rắn địa phương, hàm chỉ người dù có thế lực đến đâu khi đến địa bàn của kẻ khác cũng khó mà chiếm được ưu thế, vì vậy cần tránh đối đầu trực diện. Điều này phản ánh tư duy 识时务者为俊杰 (*Thức thời vụ giả vi quân kiệt* - biết thời thế mới là người tài) trong văn hoá Trung Quốc, nhấn mạnh sự linh hoạt và thích nghi với hoàn cảnh. Hình tượng “rắn” xuất hiện trong thành ngữ tiếng

Việt không phản ánh nghĩa hàm ẩn về sự linh hoạt và thích nghi, tuy nhiên hàm ý tương đương lại được thể hiện thông qua sự tri nhận về luật lệ, quy tắc xã hội, về sự vật hiện tượng xung quanh thông qua các câu tục ngữ như: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; Phép vua thua lệ làng...*

Tập tính lột da là một quá trình tự nhiên trong vòng đời của loài rắn, diễn ra theo chu kì khoảng 2 - 4 lần mỗi năm, tùy thuộc vào độ tuổi và điều kiện môi trường sống. Đây là cơ chế giúp rắn loại bỏ lớp da cũ, phát triển kích thước và tái tạo cơ thể. Có lẽ vì tập tính này mà trong tri nhận của người Trung Quốc và người Việt Nam thì hình tượng “rắn” thường được sử dụng để biểu thị sự thay đổi.

Thành ngữ *蝉蜕蛇解* (*Thiên thuế xà giải*) trong tiếng Trung có nghĩa đen là ve lột xác, rắn thay da, mô tả quá trình côn trùng và bò sát loại bỏ lớp vỏ cũ để tiếp tục phát triển. Hình ảnh này tượng trưng cho sự đổi mới, sự tái sinh và sự chuyên hoá trong văn hoá Trung Quốc. Thành ngữ này được hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau: từ sự phát triển cá nhân, sự thay đổi trong tư duy, đến những chuyển biến trong xã hội. Việc “lột xác” ở đây mang hàm ý tích cực, nhấn mạnh khả năng thoát khỏi cái cũ để bước sang một giai đoạn phát triển cao hơn. Do đó, thành ngữ này thường được sử dụng trong các ngữ cảnh liên quan đến sự tiến bộ, cải cách và sự thay đổi mang tính đột phá. Tri nhận của dân tộc Trung Hoa về hình ảnh rắn lột da có lẽ đã chịu sự ảnh hưởng của triết học và Phật giáo. Từ khía cạnh cá nhân và xã hội, quan niệm “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” trong Nho giáo được liên hệ với quá trình không ngừng đổi mới như rắn lột da. Ngoài ra, hình ảnh “ve sâu thoát xác, rắn lột da” còn thường được dùng để chỉ các bậc giác ngộ đã rũ bỏ thân xác phàm tục để đạt đến cảnh giới giác ngộ cao hơn. Điều này phản ánh quan niệm của dân tộc Trung Hoa về sự giải thoát (*Niết bàn*) trong Phật giáo - nơi mà con người không còn vướng mắc vào luân hồi sinh tử.

Trong khi đó, câu thành ngữ *Rắn già rắn lột* trong tiếng Việt lại thể hiện một góc nhìn khác về quy luật tự nhiên và sự hữu hạn của con người, thể hiện một góc nhìn hiện thực hơn về quy luật sinh tồn, rắn phải lột xác để tiếp tục sống, con người phải đổi mới để tồn tại, phát triển. Câu thành ngữ này không có yếu tố siêu hình hay triết lí tái sinh như trong tiếng Trung, mà chỉ đơn giản là một quan sát thực tế của người dân về vòng đời của loài rắn, từ đó suy rộng ra quy luật sống của con người. Mặc dù đều bắt nguồn từ quan sát tự nhiên về tập tính lột xác của rắn nhưng sự tri nhận của hai dân tộc được phản ánh qua thành ngữ lại có sự khác biệt về quan điểm triết học và nhân sinh quan: *蝉蜕蛇解* (*Thiên thuế xà giải*) mang đậm tính triết học và tôn giáo, nhấn mạnh sự thay đổi, tái sinh và giải thoát, còn *Rắn già rắn lột* lại thể hiện quan niệm thực tế hơn về quy luật thích nghi, không ngừng đổi mới để sinh tồn của người Việt và không có màu sắc tôn giáo.

3.5. Phản ánh quan niệm thẩm mỹ

Hình tượng “rắn” phản ánh quan niệm về thẩm mỹ trong tri nhận của người Trung Hoa được xem xét trong mối quan hệ giữa hai mặt đối lập “tích cực” và “tiêu cực”. Trong văn hoá Trung Hoa, rắn thường được so sánh với rồng - một loài vật thần thoại có khả năng biến hoá khôn lường. Điều này thể hiện rõ trong thành ngữ *龙蛇飞舞* (*Long xà phi vũ*), mô tả nét bút mạnh mẽ, sống động như rồng bay, rắn lượn. Tương tự, *笔走龙蛇* (*Bút tẩu long xà*) nhấn mạnh bút pháp phóng khoáng, linh hoạt trong thư pháp và văn chương, phản ánh tư tưởng đề cao sự tự do sáng tạo trong nghệ thuật truyền thống Trung Hoa. Ngoài ra còn có các thành ngữ, *飞鸟惊蛇* (*Phi điểu kinh xà*), *龙蛇飞动* (*Long xà phi động*), *惊蛇入草* (*Kinh xà nhập thảo*) đều được sử dụng để thể hiện sự sáng tạo, biến hoá trong nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật thư pháp. Những thành ngữ này ví von nét bút mạnh mẽ, phóng khoáng như rồng bay rắn lượn, phản ánh tư duy thẩm mỹ của người Trung Hoa, nơi thư pháp không chỉ là hình thức viết chữ mà còn là biểu hiện của khí chất và tài năng. Bên cạnh đó, thành ngữ *春蚓秋蛇* (*Xuân dấn thu xà*) lại được sử dụng để mô tả nét chữ nguệch ngoạc, vụng về.

Trong tiếng Việt, thành ngữ miêu tả về nét chữ tài hoa không sử dụng hình tượng “rắn” mà thay vào đó là hình tượng “rồng” và “phượng” trong *rồng bay phượng múa*. Còn khi phê phán nét chữ xấu thì người Việt lại ví von với hình ảnh *như gà bới*.

Như vậy, trong văn hoá Trung Hoa, hình tượng “rắn” trong thư pháp thể hiện cả nét bút tài hoa lẫn nét bút vụng về, điều này phản ánh tư duy thẩm mỹ đề cao sự chấp nhận giữa cái hoàn hảo và cái chưa hoàn hảo trong cùng một sự vật. Ngoài ra cũng phản ánh mối liên hệ với tính tích cực và tính tiêu cực trong tri nhận của người Trung Quốc về hình tượng “rắn”. “Rồng” và “rắn” còn được sử dụng cùng nhau để biểu trưng cho vẻ đẹp của nghệ thuật thư pháp. Điều này có mối liên hệ với truyền thuyết về Phục Hy và Nữ Oa, những vị thần được coi là tổ tiên của dân tộc Hoa Hạ, thường được mô tả với hình

dáng “đầu người, thân rắn”. Ngoài ra, còn có mối liên hệ với thần thoại được ghi chép trong *述异记* (*Thuật dị ký*) kể về loài rắn tu luyện qua nhiều năm để trở thành rồng. Còn trong văn hoá Việt Nam, biểu tượng cho sự uy quyền, cao quý, thanh nhã không phải là hình tượng “rắn” mà là hình tượng “rồng” và “phượng”, vì vậy sự tri nhận về nét bút tài hoa gắn với hình ảnh “rồng” và “phượng” đã phản ánh tư duy thẩm mỹ đề cao tính quy phạm. Đây chính là điểm khác biệt giữa hai nền văn hoá.

Quan niệm thẩm mỹ còn được phản ánh qua câu thành ngữ *Nói rắn trong lỗ cũng phải bò ra* trong tiếng Việt. Hình ảnh “rắn trong lỗ” tượng trưng cho sự khó tiếp cận, nhưng bằng lời nói, con người có thể khiến nó bò ra khỏi hang, hàm ý rằng lời nói khéo léo có thể tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ và hành động của người khác. Xét về nội hàm văn hoá, câu thành ngữ này không chỉ phản ánh sức mạnh của ngôn ngữ trong giao tiếp mà còn thể hiện tư duy thẩm mỹ về nghệ thuật ngôn từ của người Việt. Trong văn hoá truyền thống, lời nói không chỉ đơn thuần là truyền đạt mà còn phải khéo léo, thuyết phục, giàu hình ảnh và có sức lay động. Như vậy, câu tục ngữ này đề cao vai trò của lời nói trong việc tạo ảnh hưởng và giải quyết vấn đề, đồng thời phản ánh đặc trưng của văn hoá Việt Nam là coi trọng sự linh hoạt, tinh tế, khôn khéo và hiệu quả trong giao tiếp, coi đó là công cụ quan trọng trong ứng xử xã hội. Tuy nhiên, trong thành ngữ của Trung Quốc, hình tượng “rắn” không được sử dụng với hàm ý ẩn dụ ca ngợi về nghệ thuật ngôn từ.

3.6. Phản ánh quan niệm về sự phù hợp trong cách hành xử

Rắn là loài không chân, nhưng vẫn di chuyển linh hoạt, thậm chí nhanh nhẹn hơn nhiều loài có chân. Điều này dẫn đến một tri nhận phổ quát: rắn không cần chân, việc thêm chân cho rắn không chỉ đi ngược lại tự nhiên mà còn làm mất đi bản chất vốn có của nó. Có lẽ vì thế mà trong nền văn hoá Việt Nam và Trung Quốc, “rắn” đã trở thành một hình ảnh ẩn dụ dùng để phê phán sự can thiệp không đúng chỗ, dẫn đến phản tác dụng.

Thành ngữ *画蛇添足* (*Hoạ xà thêm túc*) trong tiếng Trung vốn xuất phát từ điển tích trong *Chiến Quốc Sách-Tê sách nhị* do Lư Hưởng thời Tây Hán ghi chép. Câu chuyện kể rằng, trong cuộc thi vẽ rắn để giành rượu, có một người vốn dĩ đã vẽ nhanh nhất, nhưng vì muốn thể hiện thêm, anh ta lại vẽ thêm chân cho rắn, dẫn đến việc mất phần thưởng. Từ đó, thành ngữ này được sử dụng để chỉ những hành động thừa thãi, không những không mang lại lợi ích mà còn làm hỏng việc. Trong tiếng Việt cũng có thành ngữ tương đương là *vẽ rắn thêm chân* để nhấn mạnh sự vừa đủ, tránh hành động dư thừa.

Như vậy, trong cả hai ngôn ngữ, hình tượng “rắn” phản ánh qua thành ngữ đều chứa đựng bài học về sự tiết chế và tính phù hợp, khuyên con người cần biết điểm dừng và cần tập trung vào điều cốt lõi để đạt hiệu quả cao nhất.

3.7. Phản ánh quan niệm nhân quả

Hình tượng “rắn” còn được sử dụng để phản ánh quy luật nhân quả, nhấn mạnh hậu quả tất yếu của lòng tham trong nền văn hoá Trung Hoa. Các thành ngữ như *巴蛇吞象* (*Ba xà thôn tượng*), *鲸吞蛇噬* (*Kinh thôn xà phệ*), *蛇欲吞象* (*Xà dục thôn tượng*), *贪蛇忘尾* (*Tham xà vong vĩ*), *拨草寻蛇* (*Bát thảo tìm xà*) đều thể hiện một tư tưởng chung: khi con người hoặc một thế lực nào đó quá tham lam hoặc vượt quá giới hạn tự nhiên của mình, hậu quả tất yếu sẽ là tự chuốc vạ vào thân, tự suy thoái hoặc diệt vong.

Phân tích sâu hơn về thành ngữ *巴蛇吞象* (*Ba xà thôn tượng*) để thấy rõ hơn về quan niệm nhân quả của dân tộc Trung Hoa. Thành ngữ này bắt nguồn từ *山海经海内经* (*Sơn Hải Kinh - Hải Nội Kinh*) thời Chiến Quốc, trong đó ghi chép: *巴蛇食象, 三岁而出其骨* (*Ba Xà thực tượng, tam tuế nhi xuất kì cốt* - Rắn to nuốt voi, ba năm mới nhả hết xương). Xét về nguyên nhân của hiện tượng này là xuất phát từ lòng tham không đáy của rắn khi nó lựa chọn một con mồi vượt quá khả năng tiêu hoá. Hậu quả là, dù có thể nuốt trọn con voi, nó phải mất ba năm mới có thể tiêu hoá hoàn toàn, đồng thời trải qua một quá trình đầy khó khăn. Điều này phản ánh triết lý nhân quả sâu sắc *物极必反* (*vật cực tất phản*) trong tư tưởng Đạo gia của Trung Quốc, nhấn mạnh khi sự việc đạt đến cực điểm, tất yếu sẽ dẫn đến phản tác dụng. Do đó, thành ngữ *巴蛇吞象* (*Ba xà thôn tượng*) thường được sử dụng để phê phán những kẻ tham lam, không biết điểm dừng và cuối cùng phải gánh chịu hậu quả do chính mình gây ra.

Thành ngữ 蛇雀之报 (*Xà tước chi báo*) xuất phát từ điển cổ về rắn và chim sẻ báo đáp ân nhân trong tác phẩm *Quy điển lục* của Âu Dương Tu viết vào thời Tống, nhấn mạnh tư tưởng làm việc thiện sẽ được báo đáp trong văn hoá truyền thống Trung Hoa. Ngoài ra, còn có thành ngữ 楚相断蛇 (*Sở tướng đoạn xà*) được ghi chép trong *Tân thư, Xuân thu* của Giả Nghị thời Tây Hán. Tôn Thúc Ngao là một vị tướng nước Sở, khi gặp con rắn hai đầu đã đem chôn nó vì sợ rắn sẽ gây họa cho người khác. Vì nghe tin đồn, ai nhìn thấy rắn hai đầu sẽ chết nên ông lo sợ kể với mẹ, tuy nhiên ông đã được mẹ an ủi: “Người có âm đức, trời ắt sẽ ban phúc”. Sau này, nhờ phẩm hạnh cao quý, Tôn Thúc Ngao được Sở Trang Vương trọng dụng, được dân chúng kính yêu. Do đó, thành ngữ 楚相断蛇 (*Sở tướng đoạn xà*) đã hàm chứa triết lí nhân quả sâu sắc trong nền văn hoá Trung Hoa, tích đức hành thiện, ắt sẽ gặp phúc báo.

Trong tiếng Việt, tuy không có thành ngữ sử dụng hình tượng “rắn” để phản ánh trực tiếp quan hệ nhân quả như trong tiếng Trung, nhưng có thể tìm thấy sự tương đồng về ý niệm này qua các thành ngữ khác như *Tham thì thâm; Thiện giả thiện báo, ác giả ác báo; Ở hiền gặp lành* và *Gieo gió gặt bão*. Điều đó cho thấy sự khác biệt trong cách tri nhận của người Việt, thay vì dùng hình tượng “rắn”, người Việt diễn đạt quan niệm nhân quả thông qua tri nhận về hiện tượng thiên nhiên hoặc phẩm chất đạo đức cá nhân. Cách tri nhận này phản ánh tư duy thực tiễn của người Việt, gắn liền với đời sống hàng ngày, thay vì sử dụng những biểu tượng mang tính thần thoại hoặc ẩn dụ sâu xa như trong văn hoá Trung Hoa.

4. Kết luận

Từ việc phân tích nội hàm văn hoá của thành ngữ có hình tượng “rắn” trong tiếng Trung và tiếng Việt, có thể thấy rằng cả hai nền văn hoá đều có sự tương đồng và khác biệt khi khúc chiếu hình tượng “rắn” vào ngôn ngữ thông qua nhận thức. “Rắn” là biểu trưng cho sự gian trá, nham hiểm, khiến con người sợ hãi, vừa đề phòng nhưng cũng tôn thờ. Bên cạnh đó, hình tượng này còn truyền tải bài học về sách lược, sự tiết chế và tính phù hợp trong hành xử. Tuy nhiên, sự khác biệt về bối cảnh văn hoá dẫn đến những sắc thái ý nghĩa riêng biệt trong mỗi ngôn ngữ. Trong văn hoá Trung Hoa, hình tượng “rắn” không chỉ gắn với triết học, tôn giáo mà còn phản ánh tư duy thâm mĩ đề cao sự dung hoà giữa cái hoàn hảo và chưa hoàn hảo, thể hiện rõ trong nghệ thuật thư pháp. Ngược lại, văn hoá Việt Nam không liên hệ hình tượng “rắn” với nét bút tài hoa mà thay vào đó là “rồng” và “phượng”, điều này phản ánh tư duy thâm mĩ đề cao tính quy phạm. Trong tiếng Việt, hình tượng “rắn” được dùng để nhấn mạnh sự linh hoạt, tinh tế trong giao tiếp, trong khi thành ngữ tiếng Trung không mang nội hàm này. Hình tượng “rắn” được sử dụng để phản ánh quan niệm về nhân quả trong tiếng Trung nhưng nội hàm văn hoá này lại không xuất hiện trong nền văn hoá Việt Nam. Những khác biệt này cho thấy sự đa dạng gắn với nét đặc trưng riêng biệt trong tri nhận của hai dân tộc về hình tượng “rắn” thông qua thành ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Đông Chi. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội. 1976.
2. Hàn Giám Đường. *Văn hoá Trung Quốc*. Công ti Xuất bản Văn hoá Quốc tế. Trung Quốc. 2002.
3. Đỗ Thị Kim Liên. *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức*. NXB Khoa học xã hội. 2015.
4. Nguyễn Lực. *Thành ngữ tiếng Việt*. NXB Thanh niên. 2002.
5. Vương Hưng Quốc. *Đại từ điển thành ngữ Hán ngữ*. NXB dạy học Hoa ngữ. Trung Quốc. 2018.
6. Saussure, Ferdinand de. *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*. NXB Khoa học xã hội. 1973.
7. Lý Toàn Thắng. *Thử nhìn lại một số vấn đề cốt yếu của Ngôn ngữ học tri nhận*. Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2008
8. Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 1997.
9. Nguyễn Như Ý. *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục. 1996.

Tiếng nước ngoài

10. ChenBo. *Từ điển thành ngữ tiếng Hán*. NXB Đại học Giao thông Tây Nam. Trung Quốc. 2004.
11. Edward Sapir. *Language an introduction to the study of speech*. Harcourt, Brace. New York. 1921.
12. Firth, J. R. *Papers in linguistics 1934 - 1951*. Oxford University Press. London. 1957.
13. Frege, Gottlob. *On sense and reference, in readings in semantics*. University of Illinois Press. Urbana. 1974.
14. L.R. Palmer. *An introduction to modern linguistics*. Macmillan & Company Ltd. 1936.